

Số: /KH-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

### **Tổ chức tiếp nhận và cấp phát gạo hỗ trợ cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trong học kỳ I năm học 2021-2022**

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ về việc quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Quyết định số 1654/QĐ-BTC ngày 31/8/2021 của Bộ Tài chính về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2021-2022;

Căn cứ Quyết định số 543/QĐ-TCĐT ngày 31/8/2021 của Tổng cục Dự trữ nhà nước (Bộ Tài chính) về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh học kỳ I năm học 2021-2022;

Căn cứ Công văn số 9635/BTC-TCĐT ngày 19/8/2019 của Bộ Tài chính về việc thực hiện giao, nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho các địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đi đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành Kế hoạch tổ chức việc tiếp nhận và cấp phát gạo hỗ trợ học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh trong học kỳ I năm học 2021-2022, cụ thể như sau:

#### **I. Mục đích, yêu cầu**

##### **1. Mục đích**

Hỗ trợ cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ nhằm tạo điều kiện cho học sinh không bị thiếu lương thực và đi học chuyên cần.

##### **2. Yêu cầu**

Tổ chức thực hiện tiếp nhận và cấp phát đúng tiến độ, đúng đối tượng được thụ hưởng, không để xảy ra thất thoát, tiêu cực.

#### **II. Nội dung thực hiện**

##### **1. Đối tượng hỗ trợ và điều kiện được hưởng**

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 2 và Điều 4 Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1.1. Học sinh tiểu học và trung học cơ sở phải đảm bảo một trong các điều kiện sau:

a) Là học sinh bán trú đang theo học tại trường phổ thông dân tộc bán trú (được Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép ở lại trường hoặc khu vực gần trường để học tập).

b) Là học sinh mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc xã khu vực III, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang trên địa bàn tỉnh (*Đính kèm Phụ lục*).

Có khoảng cách tối thiểu tại địa bàn vùng đặc biệt khó khăn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo quy định tại Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể phải đảm bảo một trong hai điều kiện sau đây:

- **Điều kiện 1:** Nhà ở xa trường khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở;

- **Điều kiện 2:** Nhà ở xa trường thuộc địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá có khoảng cách tối thiểu được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Là học sinh mà bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn (*Đính kèm Phụ lục*) đang học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở thuộc xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc (xã khu vực II).

Có khoảng cách tối thiểu tại địa bàn vùng đặc biệt khó khăn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo quy định tại Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đảm bảo một trong hai điều kiện nêu tại điểm b.

1.2. Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đang theo học tại các trường Trung học phổ thông hoặc cấp trung học phổ thông tại trường phổ thông có nhiều cấp học;

b) Bản thân và bố, mẹ hoặc người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang (*Đính kèm Phụ lục*);

Có khoảng cách tối thiểu tại địa bàn vùng đặc biệt khó khăn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo quy định tại Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể đảm bảo một trong hai điều kiện sau:

- **Điều kiện 1:** Nhà ở xa trường khoảng cách từ 10 km trở lên;

- **Điều kiện 2:** Nhà ở xa trường thuộc địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua

vùng sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.3. Đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh, ngoài các điều kiện quy định như học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số, còn phải là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo.

## **2. Các xã, thôn đặc biệt khó khăn được thụ hưởng chính sách hỗ trợ gạo theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP**

Thực hiện theo quy định tại các văn bản sau đây:

- Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 596/QĐ-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 2 Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

- Công văn số 269/LĐTBXH-VPQGGN ngày 03/02/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội năm 2021;

- Nghị quyết số 24/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở thôn, xã, vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

- Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đến trường, trở về trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

*(Đính kèm Phụ lục các xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang trên địa bàn tỉnh).*

## **3. Về mức hỗ trợ**

- Mỗi học sinh được hỗ trợ mỗi tháng 15 kg gạo và được hưởng không quá 9 tháng/năm học/học sinh; tổng cộng 135 kg/năm học/học sinh.

- Trong học kỳ I năm học 2021-2022, mỗi học sinh được hỗ trợ 05 tháng, tổng cộng 75kg/học sinh.

#### **4. Quy trình lập danh sách**

- Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố và các đơn vị trực thuộc Sở lập danh sách học sinh từng trường thuộc diện được hỗ trợ gạo theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt số lượng học sinh được hỗ trợ trước khi thực hiện.

- Căn cứ các quy định của Nghị định số 116/2016/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn của các cơ quan Trung ương có liên quan, Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu tổ chức rà soát các đối tượng kịp thời, không để bỏ sót.

#### **5. Quy trình tiếp nhận**

- Chi cục Dự trữ Nhà nước Ninh Thuận giao trực tiếp gạo cho Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện. Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện phân bổ gạo cho các đơn vị trực thuộc. Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo nhận gạo trực tiếp từ Chi cục Dự trữ Nhà nước Ninh Thuận.

- Công tác tổ chức giao nhận gạo thực hiện tại trung tâm huyện (địa điểm tại Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc địa điểm khác do huyện bố trí).

- Gạo giao phải đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn, chất lượng và quy cách hàng hóa theo quy định, có sự giám sát chứng nhận của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và huyện.

#### **6. Thủ tục tổ chức cấp phát tại trường**

- Sau khi tiếp nhận gạo, các trường tiến hành thông báo cho học sinh, phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cấp phát cho từng học sinh tại trường đúng đối tượng theo quy định.

- Việc cấp phát gạo (theo Mẫu số 1) phải có chữ ký của người nhận hoặc người giám hộ, có xác nhận của chính quyền địa phương (xã, phường/huyện) với sự giám sát của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Chỉ cấp phát hỗ trợ gạo cho các đối tượng học sinh thực tế có mặt tại mỗi thời điểm cấp phát, số học sinh bỏ học hoặc không đúng đối tượng theo quy định thì không cấp phát.

- Sau khi hoàn thành việc cấp phát, chậm nhất 05 ngày làm việc các đơn vị báo cáo về Sở hoặc Phòng Giáo dục và Đào tạo theo phân cấp quản lý để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp (theo Mẫu số 2) có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **7. Thời gian và địa điểm giao nhận gạo**

- Thời gian: Dự kiến từ ngày 27/12/2021 đến hết ngày 31/12/2021;

- Địa điểm: Tại Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc Văn phòng Ủy ban nhân dân các huyện (do Ủy ban nhân dân huyện bố trí, đơn vị thuộc địa bàn huyện nào thì nhận gạo tại địa bàn huyện đó).

## **8. Số lượng học sinh và số gạo được hỗ trợ**

Theo Quyết định số 1654/QĐ-BTC ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết cho từng địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Danh sách các trường và số lượng học sinh được hỗ trợ gạo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử Sở Giáo dục và Đào tạo.

## **9. Về kinh phí vận chuyển, bốc xếp**

- Kinh phí vận chuyển, bốc xếp gạo từ kho của Chi cục Dự trữ Nhà nước Ninh Thuận đến Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc trung tâm các huyện do Chi cục Dự trữ Nhà nước Ninh Thuận chịu trách nhiệm thanh toán.

- Kinh phí vận chuyển, bốc xếp gạo từ Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện hoặc trung tâm huyện đến các trường học trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý do Ủy ban nhân dân các huyện chi trả.

## **III. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện hướng dẫn các địa phương, đơn vị thực hiện việc giao nhận gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ cho các địa phương theo Công văn số 3742/UBND-KTTH ngày 03/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời, đúng đối tượng; tổng hợp, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng thời gian quy định;

- Phối hợp với Cục Dự trữ Nhà nước Khu vực Nam Trung bộ, Chi cục Dự trữ Nhà nước Ninh Thuận trong suốt quá trình triển khai việc tiếp nhận, phân bổ tới các địa phương, đơn vị;

- Cử cán bộ phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các ban ngành, đoàn thể ở cơ sở giám sát chặt chẽ việc tiếp nhận và cấp phát gạo kịp thời và đúng đối tượng.

### **2. Ủy ban nhân dân các huyện**

- Triển khai việc tiếp nhận, thuê hoặc bố trí phương tiện để vận chuyển từ Trung tâm huyện tới các trường trên địa bàn huyện.

- Phân công nhiệm vụ cho các phòng chức năng thuộc huyện triển khai phương án về kho bãi, nhân lực, phương tiện, kinh phí để tiếp nhận, phân bổ, giám sát việc cấp phát gạo kịp thời, đúng đối tượng.

- Sử dụng ngân sách của huyện để chi cho việc vận chuyển, bốc xếp gạo để giao cho các trường trên địa bàn.

### **3. Sở Tài chính**

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện và các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo sử dụng ngân sách của địa phương, đơn vị để thanh toán tiền hợp đồng vận chuyển, bốc xếp từ trung tâm huyện tới các trường.

### **4. Sở Giao thông vận tải**

Hỗ trợ, điều động phương tiện vận chuyển gạo từ trung tâm các huyện, tới các trường khi có đề nghị của các Phòng Giáo dục và Đào tạo.

### **5. Các Sở, ban ngành liên quan**

Thường xuyên phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tham gia giám sát, kiểm tra quá trình tiếp nhận, cấp phát gạo đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy trình.

### **6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, huyện, xã**

Cử cán bộ tham gia giám sát quá trình tiếp nhận và cấp phát gạo từ khi tiếp nhận cho tới khi cấp phát đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng.

### **7. Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện và các cơ sở giáo dục**

- Xây dựng kế hoạch, bố trí kho, sân bãi để tiếp nhận gạo, bố trí kinh phí từ dự toán được giao để các trường vận chuyển từ nơi nhận đến các trường trước khi cấp phát cho học sinh (việc bổ sung kinh phí cho việc vận chuyển gạo từ trung tâm huyện tới các đơn vị do Sở Tài chính tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho từng đơn vị).

- Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra đôn đốc các trường tiếp nhận gạo theo Quyết định phân bổ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để cấp phát gạo cho học sinh.

- Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản gạo từ trung tâm huyện về trường để cấp phát cho học sinh đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng.

- Báo cáo kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện việc phân bổ gạo theo quy định.

**\* Lưu ý: Trong quá trình thực hiện, các cơ quan đơn vị thực hiện đúng các quy định về công tác phòng chống dịch COVID-19.**

Trên đây là Kế hoạch tổ chức tiếp nhận và cấp phát gạo hỗ trợ cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn học kỳ I năm học 2021-2022. Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị các sở, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện và báo cáo kịp thời kết quả về Sở Giáo dục và Đào tạo (*theo 03 biểu mẫu đính kèm*) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

#### **Nơi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh (p/h);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cục DTNNKVNTB (Khánh Hòa);
- Chi cục DTNN Ninh Thuận;
- Các Sở: GDĐT, TC, GTVT, LĐTBXH, KHĐT;
- UBND các huyện;
- Phòng GDĐT các huyện;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. NAM.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Long Biên**

**PHỤ LỤC  
CÁC XÃ KHU VỰC III, THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN  
VÙNG BÃI NGANG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 12 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Stt	Huyện	Xã khu vực III	Xã bãi ngang	Thôn đặc biệt khó khăn		
1	<b>I. H. Bác Ái</b>	<b>09 xã</b>		<b>35 thôn</b>		
2				1. Phước Bình	1. Thôn Bạc Rây 1	
4					2. Thôn Bồ Lang	
5					3. Thôn Hành Rạc 2	
6					4. Thôn Hành Rạc 1	
7					5. Thôn Gia É	
8					2. Phước Chính	1. Thôn Suối Rớ
9						2. Thôn Suối Khô
10				3. Thôn Núi Rây		
11				3. Phước Hòa	1. Thôn Tà Lọt	
12					2. Thôn Chà Panh	
13				4. Phước Tân	1. Thôn Đá Trắng	
14					2. Thôn Ma Ty	
15					3. Thôn Ma Lâm	
16				5. Phước Thắng	1. Thôn Chà Đung	
17					2. Thôn Ma Oai	
18					3. Thôn Ma Ty	
19					4. Thôn Ha Lá Hạ	
20				6. Phước Thành	1. Thôn Ma Nai	
21					2. Thôn Ma Dú	
22					3. Thôn Ma Rớ	
23					4. Thôn Suối Lỡ	
24					5. Thôn Đá Ba Cái	
25				7. Phước Tiến	1. Thôn Trà Co 1	
26					2. Thôn Trà Co 2	
27					3. Thôn Suối Đá	
28					4. Thôn Đá Bàn	
29					5. Thôn Suối Rua	
30				8. Phước Trung	1. Thôn Rã Giữa	
31					2. Thôn Tham Dú	
32					3. Thôn Rã Trên	

Stt	Huyện	Xã khu vực III	Xã bãi ngang	Thôn đặc biệt khó khăn
33		9. Phước Đại		1. Thôn Tà Lú 1
34				2. Thôn Tà Lú 2
35				3. Thôn Tà Lú 3
36				4. Thôn Ma Hoa
37				5. Thôn Châu Đắc
38	<b>II. H. Ninh Sơn</b>	<b>02 xã</b>		<b>12 thôn</b>
39		1. Mỹ Sơn		1. Thôn Mỹ Hiệp
40				2. Thôn Nha Húi
41		2. Ma Núi		1. Thôn Do
42				2. Thôn Hà Dài
43				3. Thôn Ú
44				4. Thôn Tà Nôi
45				5. Thôn Gia Rót
46				6. Thôn Gia Hoa
47	(Xã Hòa Sơn)			1. Thôn Tân Định
48	(Xã Quảng Sơn)			1. Thôn Lương Giang
49	(Xã Nhơn Sơn)			1. Thôn Láng Ngựa
50				2. Thôn Núi Ngõng
51	<b>III. H. Thuận Bắc</b>	<b>03 xã</b>		<b>16 thôn</b>
52		1. Phước Kháng		1. Thôn Đá Mài Trên
53				2. Thôn Đá Mài Dưới
54				3. Thôn Cầu Đá
55				4. Thôn Đá Liệt
56				5. Thôn Suối Le
57		2. Phước Chiến		1. Thôn Động Thông
58				2. Thôn Tập Lá
59				3. Thôn Đầu Suối B
60				4. Thôn Đầu Suối A
61				5. Thôn Ma Trai
62		3. Bắc Sơn		1. Thôn Bình Nghĩa
63				2. Thôn Xóm Bằng
64				3. Thôn Xóm Bằng 2
65	(Xã Lợi Hải)			1. Thôn Suối Đá
66				2. Thôn Kiên Kiên 2
67	(Xã Công Hải)			1. Thôn Suối Vang
68	<b>IV. H. Ninh Hải</b>	/		<b>01 thôn</b>
69	(Xã Vĩnh Hải)			1. Thôn Đá Hang



<b>Stt</b>	<b>Huyện</b>	<b>Xã khu vực III</b>	<b>Xã bãi ngang</b>	<b>Thôn đặc biệt khó khăn</b>
70	<b>V. H.Thuận Nam</b>	<b>01 xã</b>	<b>01 xã</b>	<b>10 thôn</b>
71		1. Phước Hà		1. Thôn Giá
72				2. Thôn Trà Nô
73				3. Thôn Tân Hà
74				4. Thôn Là A
75				5. Thôn Rồ Ôn
76		1. Phước Dinh		1. Thôn Sơn Hải 1
77				2. Thôn Sơn Hải 2
78				3. Thôn Từ Thiện
79				4. Thôn Vĩnh Tường
80				5. Thôn Bầu Ngự
81	<b>VI. H.Ninh Phước</b>	<b>/</b>		<b>02 thôn</b>
82	(Xã Phước Thái)			1. Thôn Tà Dương
83	(Xã Phước Vinh)			1. Thôn Liên Sơn 2

---

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....  
TRƯỜNG.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC NHẬN GẠO HỖ TRỢ  
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022**  
(Theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ)

Stt	Họ và tên	Lớp	Tổng số gạo được hỗ trợ (kg)	Ký nhận của học sinh hoặc người giám hộ	Ghi chú
1					
2					
3					
4					
5					
....					
	<b>CỘNG</b>		<b>x</b>		

Ngày .....tháng.....năm.....  
**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/PHƯỜNG (HUYỆN)**      **HIỆU TRƯỞNG**  
 (Ký tên, đóng dấu)      (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu này dành cho các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc Sở/Phòng Giáo dục và Đào tạo; lập thành 03 bản ( 01 bản lưu tại đơn vị, 02 bản gửi cơ quan quản lý cấp trên).

UBND TỈNH/HUYỆN/TP.....  
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢNG TỔNG HỢP CẤP PHÁT GẠO HỖ TRỢ HỌC SINH  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (HUYỆN).....  
(Theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ)**

Stt	Tên đơn vị	Tổng số học sinh thuộc diện hỗ trợ (h/sinh)	Tổng số gạo đã cấp phát (kg)	Ghi chú
1	<b>I. Khối Tiểu học</b>			
2	Trường .....			
3	Trường .....			
	.....			
	<b>II. Khối THCS</b>			
	Trường .....			
	Trường .....			
	.....			
	<b>TỔNG CỘNG</b>			

**XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP HUYỆN  
(Đối với học sinh tiểu học và THCS)  
Ký tên, đóng dấu**

Ngày .....tháng.....năm.....  
**TRƯỞNG PHÒNG**  
Ký tên, đóng dấu

Ghi chú: Mẫu này dành cho Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp từ các đơn vị trực thuộc và được lập thành 03 bản (01 bản lưu tại đơn vị, 02 bản gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp).

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....  
PHÒNG/TRƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.... - ..... ,ngày tháng năm 2021  
V/v cấp phát gạo hỗ trợ  
cho học sinh HKI năm học 2021 - 2022  
theo ND 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Thuận.

Thực hiện kế hoạch số: /KH-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc tổ chức tiếp nhận và cấp phát gạo hỗ trợ cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Thực hiện Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc cấp phát gạo hỗ trợ cho học sinh ở xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Thực hiện Công văn số: /SGDĐT-TCHC ngày / /2021, về việc tổ chức tiếp nhận và cấp phát gạo cho học sinh HKII năm học 2020-2021 theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, Phòng/Trường ..... báo cáo việc cấp phát gạo, như sau:

1. Số liệu chung của đơn vị

Tổng số gạo được nhà nước hỗ trợ cho huyện (đối với phòng GD&ĐT)/trường ..... là ..... kg cho ..... học sinh/trường với số liệu cụ thể như sau:

- Số lượng trường (phòng GD&ĐT):.....trường;
- Số lượng học sinh:.....học sinh;
- Số lượng gạo đã cấp phát: .....

2. Tình hình thực hiện:

*(Nêu tình hình cụ thể trong quá trình tổ chức tiếp nhận và cấp phát hỗ trợ gạo cho học sinh theo hướng dẫn của Kế hoạch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**3. Đề xuất và kiến nghị**

Trên đây là báo cáo về việc cấp phát gạo học kỳ I năm học 2021-2022 của phòng/trường.....trên địa bàn...../.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....;
- Lưu: .....

**TRƯỞNG PHÒNG/HIỆU TRƯỞNG**

(Ký tên và đóng dấu)

---

**XÁC NHẬN CỦA UBND .....**

*Ghi chú: Mẫu này dành cho Phòng Giáo dục và Đào tạo/đơn vị trực thuộc Sở tổng hợp và được lập thành 03 bản (01 bản lưu tại đơn vị, 02 bản gửi Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp).*